TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 14/12/2017
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xươnne.

2. Ông Huỳnh Khởi.

- Thư ký phiên toà: Ông Quách Văn Diễn-Thư ký Toà án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Ông Lâm Thanh Dũng-Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 297/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2017, về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đặng Thị Kiều M, sinh năm 1995 (có mặt)
Địa chỉ: Số , ấp M, xã N, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.
Chổ ở hiện nay: Số , ấp N, xã T, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.
- *Bị đơn*: Anh Dương Vĩnh T, sinh năm 1988 (có mặt)
Địa chỉ: Số , ấp M, xã N, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.
- *Người làm chứng:*

1. Ông Dương Hoàng N, sinh năm 1965, địa chỉ Số , ấp M, xã N, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Anh Trần Thành T, sinh năm 1999, địa chỉ Số , ấp MH, xã T, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3. Ông Đặng Hoàng C, sinh năm 1968 (có mặt).

4. Ông Trần T, sinh năm 1962 (có mặt).

Cùng địa chỉ ấp N, xã T, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

5. Anh Phan Văn N, sinh năm 1988 (vắng mặt).

6. Anh Lê Phú Đ, sinh năm 1962 (vắng mặt).

7. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ ấp M, xã N, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

8. Anh Huỳnh Phú H, sinh năm 1987, ấp MH, xã T, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 01/9/2017, các biên bản lấy lời khai ngày 19/9/2017, biên bản hoà giải ngày 25/9/2017 và các tài liệu, chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án:

Vào năm 2015, chị Đặng Thị Kiều M và anh Dương Vĩnh T tự nguyện kết hôn với nhau, có làm đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N ngày 02/4/2015. Quá trình sống có 01 con chung tên là Dương Đặng P, sinh ngày 06/5/2016, đang sống với anh T.

Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị M trình bày: Vì anh T tính hay ghen tuông, đi nhậu về thường hành hung chị nhiều lần, cho nên vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể tồn tại được, nên đã sống ly thân từ ngày 28/8/2017 đến nay. Ngược lại, theo anh T, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị M ăn nhậu và ngoại tình với người khác, bị anh bắt gặp quả tang ngày 28/8/2017, nên dẫn đến ly hôn.

*Chị M khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Dương Vĩnh T;

- Về con chung: Yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

*Anh T có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh cũng đồng ý ly hôn với chị Đặng Thị Kiều M.

- Về con chung: Yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên toà, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Về tố tụng: Tại phiên toà, những người làm chứng Dương Hoàng N, Trần Thành T, Phan Văn N, Huỳnh Phú H, Lê Phú Đ và Nguyễn Văn H đều vắng mặt, nhưng họ có lời khai được Toà án thu thập, các đương sự và Kiểm sát viên đều không yêu cầu hoãn phiên toà, cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng các người làm chứng này.

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đặng Thị Kiều M và anh Dương Vĩnh T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn và tuân thủ quy định tại các điều 8 và 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Xét về tình trạng hôn nhân, thấy rằng: Trong thời kỳ hôn nhân, chị M và anh T có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, do không còn tình cảm, không hạnh phúc. Nên vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 28/8/2017, đến thời điểm này cả chị M và anh T cũng không có một biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà vẫn tiếp tục sống ly thân và bỏ mặc nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa chị M và anh T cũng đồng ý ly hôn với nhau. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị M và anh T có một người con chung tên là Dương Đặng P N, sinh ngày 06/5/2016, hiện đang sống chung với anh T. Cả chị M và anh T đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung này.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 71, các khoản 1, 2 Điều 81, các điều 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì cha và mẹ đều có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Nếu không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con thì căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Toà án quyết định giao cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi dưỡng cũng có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

Chị M cho rằng: Thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 5.000.000đ-6.000.000đ từ việc bán bánh mì thịt tại chợ Cầu Lộ, Trường học cách nhà khoảng 30m-40m, nên thuận tiện cho việc chăm sóc con cái. Còn anh T chạy xe thuê, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 2.000.000đ-3.000.000đ. Nhà anh T cách Trường học trên 5.000m, còn Trường gần nhà nhất khoảng 01km, anh T là tài xế thường vắng nhà, nên không thể chăm sóc tốt con chung được.

Anh T cho rằng: Thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 7.500.000đ, Trường Mẫu Giáo gần nhà khoảng 01 km, còn chị M chỉ ở nhà, không có thu nhập, nên không đủ điều kiện nuôi con. Lời khai này phù hợp với lời trình bày của anh Phan Văn N, là người thuê anh T lái xe, về thu nhập của anh T, tại bút lục 32.

Tại phiên toà, anh T cung cấp Giấy khám sức khoẻ số 1965/GKSK-BVĐKKS, ngày 13/12/2017 của Bệnh viện Đa khoa huyện Kế Sách, kết luận cháu Dương Đặng P N sức khoẻ tốt loại I-rất khoẻ.

Xét thấy, cháu Dương Đặng P N từ nhỏ đã được người cha chăm sóc nuôi dưỡng tốt, cho nên phải giao cho người cha trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, tránh thay đổi môi trường sống ổn định của trẻ nhỏ không cần thiết. Nếu sau này người cha nuôi dưỡng không tốt thì người mẹ có quyền yêu cầu Toà án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T, giao cháu Dương Đặng P N, sinh ngày 06/5/2016 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Dành quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung này cho chị M, không ai được ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh T đối với chị M.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016; Buộc chị M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn.

**Tại phiên toà, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 229, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Kiều M được ly hôn với anh Dương Vĩnh T.

2) Về con chung: Anh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Đặng P N, sinh ngày 06/5/2016 đến tuổi trưởng thành, chị M được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung này, không ai được ngăn cản.

3) Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh T đối với chị M.

4) Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

5) Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0009259, ngày 07/9/2017, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách. Như vậy, chị M đã nộp xong án phí sơ thẩm.

6) Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành

án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Sóc Trăng;*
- *VKSND huyện Kế Sách;*
- *Các đương sự;*
- *Uỷ ban nhân dân xã N;*
- *Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);*
- *Lưu HSVA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Vinh Thắng